

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/3/2023  
V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hào

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thuởng  
2. Ông Lê Văn Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn số 42/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T - Sinh năm 1992

Địa chỉ: SN M, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh N - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: SN N, đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt anh N, chị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lê Thị Thúy trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh N kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, thậm chí có nhiều lần anh Nghĩa còn đánh đập chị từ đó mâu thuẫn triền miên xảy ra và ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2022 chị đã đưa hai con nhỏ đi ở nơi khác và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Tháng 11/2022 vợ chồng đã nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn,

nhưng anh N không hợp tác nên chị đã rút đơn yêu cầu để quay về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh N

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh N có 02 con chung, cháu Nguyễn An N - Sinh ngày 11/8/2010 và cháu Nguyễn An N – Sinh ngày 17/5/2015. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía anh Nguyễn Thanh N: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nghĩa không có mặt.

- Cung cấp của chính quyền địa phương cho thấy:

Anh Nguyễn Thanh N, chị Lê Thị T có hộ khẩu thường trú tại SN 14 ngõ Đồng Minh, đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa. Anh Nghĩa, chị Thúy kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được thời gian, nhưng gần đây có phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn vì lý do gì thì phổ không biết. Hiện tại chị Thúy đã đưa hai con ra ngoài thuê ở chỗ khác, vợ chồng đã sống ly thân nhau nhưng cụ thể chị Thúy ở đâu phổ không biết. Nay chị Thúy làm đơn xin ly hôn phổ mong muốn Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng, nhưng nếu chị Thúy cương quyết xin ly hôn phổ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thanh N, chị Lê Thị T có 02 con chung, cháu Nguyễn An N - Sinh năm 2010 và cháu Nguyễn An N – Sinh năm 2015. Nếu vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giao con và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh N, chị T có tài sản công nợ chung chung như thế nào không thì phổ không biết. Anh N trước đây làm nghề lái xe tắc xi, còn chị T làm nghề lao động tự do nên thu nhập của anh, chị như thế nào phổ không biết.

Tại phiên tòa anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị T giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, bản tự khai đã giao nộp cho Tòa án.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc

ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Thanh N cư trú tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh N không có mặt để làm bản tự khai, vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa; Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T, anh Nguyễn Thanh N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng: Hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tin tưởng nhau và có trách nhiệm với nhau cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xem xét bản tự khai của chị T cho thấy, sau khi kết hôn anh chị đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian đó chỉ tồn tại trong thời gian đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bắt đầu quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau, từ đó mâu thuẫn triền miên xảy ra và ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai phù hợp với tài liệu thu thập do phổ cung cấp. Hơn nữa tháng 11/2022 chị Thúy và anh Nghĩa có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sau đó đã rút yêu cầu nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Mặt khác sau khi thụ lý vụ án đến thời điểm này dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh N đã không đến Tòa án để làm việc. Điều đó cho thấy anh Nghĩa không có ý thức níu kéo lại hạnh phúc gia đình mà mặc nhiên để chị T đơn phương ly hôn.

Từ sự phân tích như trên có đủ cơ sở xác định, tình trạng mâu thuẫn giữa chị T, anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T, anh Nguyễn Thanh N có 02 con chung, cháu Nguyễn An N - Sinh ngày 11/8/2010 và cháu Nguyễn An N – Sinh ngày 17/5/2015. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Thúy xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Nghĩa phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên chị T không cung cấp được cho Tòa án công việc cụ thể đang làm và thu nhập thực tế hàng tháng. Trong khi đó anh N cũng là lao động tự do vẫn có thu nhập, trước đây làm nghề lái xe. Mặt khác nguyện vọng hai con xin được ở với bố, nên nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con của chị Thúy không có căn cứ chấp nhận, mà nên giao anh N trực tiếp nuôi dưỡng một cháu, chị T trực tiếp nuôi dưỡng một cháu và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

*Về hôn nhân:* Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

*Về con:* Công nhận cháu Nguyễn An N - Sinh ngày 11/8/2010 và cháu Nguyễn An N - Sinh ngày 17/5/2015 là con chung của chị Lê Thị T, anh Nguyễn Thanh N. Giao cháu Nguyễn An N cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn An N anh Nguyễn Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh N, chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

*Về tài sản, công nợ:* Tòa án không xem xét giải quyết.

*Án phí:* Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Ngọc đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002030 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Chị Lê Thị T, anh Nguyễn Thanh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND phường Nam Ngạn,  
TP. Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Văn Hào**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thương      Lê Văn Tám**

**Phạm Văn Hào**